

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 211/2024/DS-PT

Ngày: 05/4/2024.

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải.

Bà Trương Thị Tuyết Linh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 3 và ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 462/2023/TLPT-DS ngày 20/11/2023 về việc tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 365/2023/DSST, ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 991/2023/QĐ-PT ngày 27/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Văn T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số A - Tổ F, ấp R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Trương Thị M, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số B - L, Phường A, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Vũ Thị H, sinh năm 1986; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số A - ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phạm Văn B, sinh năm 1956; (có mặt)

Địa chỉ: Số A - Tổ F, ấp R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Phạm Văn L, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Số C - đường T, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Phạm Thị N, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A - đường L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Phạm Thanh T2, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: G - Đ, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Phạm Văn H1, sinh năm 1967; (có mặt)

Phạm Văn T3, sinh năm 1969; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A - Tổ F, ấp R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Văn Thị Thanh N1, sinh năm 1958; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Văn Thương Triều M1, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A - Tổ F, ấp R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bùi Văn P, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, V, V, tỉnh Lào Cai;

Tạm trú: ấp R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*. Người kháng cáo: Bị đơn Vũ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Văn T trình bày: Phần đất tại ấp R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 8 có diện tích 217,3m² do cha mẹ anh là ông Phạm Văn L1 và bà Nguyễn Thị T4 khai phá từ năm 1975, cất nhà bằng vật liệu thô sơ ở ổn định từ đó cho đến hiện tại. Năm 1995, mẹ anh mất không để lại di chúc;

Theo thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T số 266/TB-UBND ký ngày 12/10/2018 đã đồng ý giao phần đất này cho gia đình anh được hợp thức hoá cấp chủ quyền. Cha mẹ anh có 07 người con gồm: Phạm Thanh B1, Phạm Văn T3, Phạm Văn H1, Phạm Văn L, Phạm Thanh T2, Phạm Văn N2 (chết năm 1983), Phạm Văn T;

Tháng 2/2012, cha anh đã sang nhượng 01 phần đất này bằng giấy tay cho bà Vũ Thị H có diện tích 7m x 7m = 49m², giá bán 60.000.000 đồng, cha anh đã nhận đủ tiền và đã giao đất cho chị H sử dụng, việc mua bán này cũng không thông qua ý kiến của các con nên các con không biết;

Năm 2012, chị H đã xây dựng nhà cấp 4, chị H lấn chiếm phía hông nhà tiếp giáp phần đất của gia đình anh là 0,5m x 7m = 3,5m², chị H lấn chiếm thêm phía sân tiếp giáp với phần đất bà mua, diện tích đất lấn chiếm của gia đình anh là 7m x 3m = 21m²;

Hiện tại, chị H đã tự ý xây nhà cấp 4 trên phần đất lấn chiếm này và cho thuê để kinh doanh, gia đình anh đã yêu cầu chị H tháo dỡ, trả lại đất cho gia đình anh nhưng chị H không đồng ý, gia đình anh chỉ đồng ý giao cho chị H diện tích đất làm lối đi là ngang 1m x 3m, nhưng chị H phải thanh toán lại giá trị

đất bằng tiền cho gia đình anh theo giá thoả thuận, chị **H** vẫn không đồng ý, riêng phần đất 49m² cha anh đã bán cho chị **H** thì gia đình anh đồng ý giao lại cho chị **H**;

Do có việc tranh chấp giữa gia đình anh và chị **H** nên gia đình chưa được chính quyền cấp sổ đỏ làm ảnh hưởng đến việc chia thừa kế di sản phần nhà đất này (cha anh đã chết năm 2016);

Vì các lẽ trên, nay anh yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị **H** giao trả lại phần đất đã chiếm của gia đình anh là theo diện tích đo đạc thực tế là 16,6m². Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn chị **Vũ Thị H** trình bày:* Vào năm 2012, thông qua người giới thiệu là bà **Nguyễn Ngọc B2** chị gặp ông **L1** và anh **T** để thoả thuận mua phần đất. Thoả thuận ông **L1** đồng ý bán ngang 7m dài hết đất từ cặp vách đường Nhà văn hoá. Chị và ông **L1** đều biết vị trí đất này sẽ quy hoạch làm đường 16m, ông **L1** cũng đã được địa phương chỉ mốc giới nhưng chưa cắm cọc. Giấy sang nhượng đất do bà **Văn Thị Thanh N1** là vợ sau ông **L1** viết theo ý ông **L1** 7m dài, 7m ngang vì ông **L1** đã biết ranh giới làm đường, nếu làm đường đất ông chỉ còn 7m;

Mặt sau tờ giấy có ghi thêm nội dung “Từ 7m ra trung tâm văn hoá, nếu Nhà nước chưa làm lộ thì cô **Vũ Thị H** có quyền sử dụng”;

Tờ sang nhượng viết ngày 10/02/2012, mỗi người giữ một bản. Kể từ ngày đó ông **L1** giao đất cho chị quản lý. Đến cuối năm 2012 chị cất nhà và ở từ khi đó đến năm 2017 chị cho thuê. Năm 2014, khi làm đường xong thì phía ông **L1** tranh chấp phần đất này cho đến nay;

Việc thoả thuận phần đất quy hoạch làm đường nếu không làm thì chị có quyền sử dụng, việc thoả thuận này có bà **B2** làm chứng và bà **N1** là vợ sau của ông **L1** cũng biết;

Phần đất này chị chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có tranh chấp;

Năm 2014, chị **T2** và ông **L1** kêu chị đến để thoả thuận yêu cầu chị đưa thêm tiền 15.000.000 đồng để sử dụng phần đất phía trước nhưng chị không đồng ý vì khi mua đất đã thoả thuận mua hết rồi. Đoạn lười B40 từ mí nhà chị thẳng ra đường công cộng do ông **L1** thực hiện vào năm 2013;

Khi chị xây nhà vào năm 2012, chị có bị Ủy ban nhân dân thị trấn lập biên bản xây nhà trên đất công (nhà 49m²), nếu sau này Nhà nước thu hồi thì chị không được bồi thường. Chị có ký tên và ghi vào chị không đồng ý với ý kiến trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thanh T2** trình bày:* Thống nhất ý kiến với anh **T**, yêu cầu chị **H** trả lại cho gia đình phần đất theo kết quả đo đạc thực tế tại vị trí T8 có diện tích là 16,6m²;

Khoảng năm 2014, chị **H** có gặp chị và ông **L1** trao đổi sang nhượng phần đất đang tranh chấp này với giá 15.000.000 đồng, chị không đồng ý vì đất đang quy hoạch và ông **L1** đã bị phạt vì đã bán đất chưa có giấy tờ. Cuối năm 2014, mẹ chị **H** làm hàng rào phần đất đang tranh chấp, ba chị không đồng ý nên có công an đến giải quyết có lập biên bản không thì chị không biết, nên việc làm hàng rào của chị **H** không thực hiện được. Vì ông **L1** không biết đất sẽ bị giải toả đến đâu nên không bán cho chị **H**;

Về giấy sang nhượng đất của ba chị thì chị không biết, chị cũng không biết ai viết. Tờ cam kết ngày 08/7/2012 do ông **L** viết, chị có xem và ký tên. Năm 2019, hoà giải ở thị trấn **T** thì bà **B2** không trình bày nội dung là ông **L1** yêu cầu bà **B2** không được xen vào việc tranh chấp giữa ông với chị **H** phần đất phía trước.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Văn T3** trình bày:* Đất tại ấp **R**, thị trấn **T**, huyện **C**, Tiền Giang do cha mẹ tạo dựng được trước giải phóng. Năm 2012, cha ông là ông **Phạm Văn L1** đã sang nhượng 01 phần đất có diện tích là 49m² cho bà **Vũ Thị H**, do chị **H** đã sử dụng luôn phần đất phía trước mặt tiền nhà chị **H** làm lối đi nên xảy ra tranh chấp giữa anh em nhà ông và chị **H**. Mẹ ông là bà **Nguyễn Thị T4** đã chết 1995. Nay gia đình anh yêu cầu chị **H** trả lại phần đất phía trước sân của chị **H** cho gia đình anh. Yêu cầu của ông **T** cũng là yêu cầu của ông. Ông có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 365/2023/DSST, ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 105, Điều 107 Luật đất đai năm 2003;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Phạm Văn T**.

Buộc chị **Vũ Thị H** trả lại cho những người thừa kế của cụ **Phạm Văn L1** phần đất diện tích 16,6m² (tại vị trí T8 của Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/3/2021 của Công ty TNHH **Đ**). (Có kèm theo).

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ phải chịu chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 12/9/2023, bị đơn **Vũ Thị H** kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị nguyên đơn trả lại mặt tiền và lối đi ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn **Vũ Thị H** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Phạm Văn T** không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn **H**, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm đã tuyên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Phạm Văn T** thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Quyền sử dụng đất” được quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 12/9/2023 của người kháng cáo thì người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn **Vũ Thị H**, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Nguồn gốc phần diện tích đất đang tranh chấp và nguyên nhân phát sinh tranh chấp:

Phần diện tích đất đang tranh chấp có diện tích là 16,6m² thuộc một phần của thửa đất số 143, tờ bản đồ số 8, có diện tích 217,3m², tại **ấp R, thị trấn T** và thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của ông **Phạm Văn L1**;

Căn cứ Báo cáo số 2333/BC-STNMT ngày 07/5/2018 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** và Thông báo số 266/TB-UBND, ngày 12/10/2018 của **Ủy ban nhân dân tỉnh T**, kết luận ông **Phạm Văn L1** thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 36 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đối với thửa đất 143, tờ bản đồ số 8 diện tích 217,3m² đất tại **ấp R, thị trấn T, huyện C tỉnh Tiền Giang**;

Căn cứ vào giấy tay sang nhượng đất ngày 10/02/2012, thì ông L1 lập giấy tay sang nhượng đất cho chị Vũ Thị H diện tích 49m² (7m x 7m) với giá 60.000.000 đồng. Các con ông L1 thống nhất phần đất này không tranh chấp;

Phần diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 16,6m² nằm ngoài diện tích 49m² đã chuyển nhượng thì nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con ông L1 yêu cầu chị H trả lại;

Bị đơn chị Vũ Thị H không đồng ý, chị cho rằng:

Khi nhận chuyển nhượng đất của ông L1 thì cụ đã đồng ý giao cho chị phần diện tích phía trước là diện tích anh T yêu cầu chị phải trả lại, vì là đất quy hoạch nên ông L1 không bán. Ở mặt sau của giấy sang nhượng đã ghi ông L1 đồng ý cho chị sử dụng nếu nhà nước chưa làm lộ. Hơn nữa, khi chị mua đất thì phải có đường đi chị mới mua. Sau khi, chị H nhận chuyển nhượng phần 49m² thì chị xây nhà ở;

Khi sang nhượng đất vào năm 2012 theo tờ giấy sang nhượng đất, ông L1 đã thoả thuận giao cho chị H sử dụng luôn ở phần đất phía trước, nhưng chị không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh ông L1 đã đồng ý giao cho chị sử dụng phần đất này ngoài tờ giấy sang nhượng đất mà ông L1 không ký tên vào mặt sau của tờ giấy sang nhượng mà chỉ có chữ ký của người làm chứng là bà B2 và bà N1.

Căn cứ vào lời thừa nhận của nguyên đơn cũng như hàng thừa kế của ông L1, từ ngày 10/02/2012 thì ông L1 đã rào một hàng rào lưới B40 để ngăn cách thửa đất mà chị H nhận chuyển nhượng từ ông L1 trong đó có cả diện tích 16,6m² là diện tích đất đang tranh chấp; Chị H vẫn quản lý, sử dụng diện tích đất này làm sân và được tráng xi măng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập;

Như vậy từ tháng 02/2012, chị H đã sử dụng và cho rất nhiều người thuê căn nhà của chị H và diện tích phần đất đang tranh chấp từ khi ông L1 còn sống đến khi ông L1 mất trong khoảng thời gian này ông L1 và các con ông L1 không có tranh chấp gì đối với phần diện tích đất đang tranh chấp;

Ngoài ra, diện tích đất đang tranh chấp là một khoảng sân trước của chị H để đi ra con đường chính, phần phía Tây như án sơ thẩm đã nhận định là không phù hợp vì căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ngày 23/01/2024 thì đã xây bức tường chính của căn nhà, không phù hợp với tình hình thực tế mà chị H đang quản lý phần đất đang tranh chấp từ tháng 02/2012 cho đến phát sinh tranh chấp;

Căn cứ vào mặt sau của tờ giấy sang nhượng đất giữa chị H và ông L1 có nội dung phần diện tích đất đang tranh chấp chưa làm lộ thì chị H có quyền sử dụng, tuy không có chữ ký của ông L1 nhưng căn cứ vào thực tế quản lý sử dụng đất thì ông L1 đã mặc nhiên biết và giao cho chị H quản lý, sử dụng nhưng không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho chị H;

Do đó, khi áp dụng tương tự pháp luật thì căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, tại điểm a tiểu mục 2.1, mục 2, phần II thì cần công nhận phần diện tích đất đang tranh chấp cho chị **H** và chị **H** có nghĩa vụ trả giá trị phần đất này cho hàng thừa kế thứ nhất của ông **L1**;

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất theo biên bản định giá tài sản ngày 23/3/2023 mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện;

Như vậy, căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 23/3/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm thì giá thực tế tại địa phương là 13.500.000 đồng/m² thì chị **H** có nghĩa vụ trả giá trị cho các đồng thừa kế của ông **L1** là 224.100.000 đồng.

Do đó cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị **H** không có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị **H**;

[2.2]. Công trình xây dựng trên diện tích đất đang tranh chấp:

Theo như án sơ thẩm trên diện tích đất đang tranh chấp có: 01 phần mái che và hàng rào phía trước do người thuê nhà và đất của chị **H** xây dựng thêm. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho anh **Bùi Văn P** tham gia tố tụng và triệu tập anh đến Tòa án để trình bày ý kiến nhưng anh **P** không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến;

Tuy nhiên căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/01/2024 không còn công trình xây dựng trên đất, anh **P** đã trả mặt bằng cho chị **H** và đã tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất tranh chấp.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như anh **P** không có phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Những thiếu sót mà tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện thì quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng điều luật theo quy định của Bộ luật dân sự khi giải quyết vụ án là chưa phù hợp;

Tại phần quyết định, khi tuyên án không nêu rõ cụ thể hàng thừa kế của ông **Phạm Văn L1** gồm những ai nên cần điều chỉnh cho phù hợp.

Án sơ thẩm nhận định chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng phần quyết định thì không tuyên chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là thiếu sót.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị **H** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân Sự;

Áp dụng Điều 105, Điều 107 Luật đất đai năm 2003;

Áp dụng Điều 100 Luật đất đai;

Áp dụng vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị **Vũ Thị H.**

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 365/2023/DSST, ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Phạm Văn T.**

Buộc chị **Vũ Thị H** có nghĩa vụ trả lại cho những người thừa kế của cụ **Phạm Văn L1** gồm: **Phạm Thanh B1**, **Phạm Văn T3**, **Phạm Văn H1**, **Phạm Văn L**, **Phạm Thanh T2**, **Phạm Văn T** giá trị phần diện tích đất 16,6m² với số tiền là 224.100.000 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu, một trăm ngàn đồng).

Chị **Vũ Thị H** được sở hữu phần đất diện tích 16,6m² thuộc một phần của thửa đất số 143, tờ bản đồ số 8, có diện tích 217,3m², tại **khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**, tại vị trí T8 của theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/3/2021 (có sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo).

Chị **Vũ Thị H** có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Buộc chị **Vũ Thị H** trả lại chi phí tố tụng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị **Phạm Thanh T2** số tiền 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày **Phạm Thanh B1**, **Phạm Văn T3**, **Phạm Văn H1**, **Phạm Văn L**, **Phạm Thanh T2**, **Phạm Văn T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị **Vũ Thị H** chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Vũ Thị H** phải chịu 11.205.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh **Phạm Văn T** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003139 ngày 27/8/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà chị **H** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011905 ngày 12/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 15 phút, ngày 05/4/2024, có mặt bà **M**, chị **H**, ông **B1**, ông **L**, bà **T2**, ông **H1**, ông **T3**.

*. Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu